

THAM LUẬN
Đổi mới hoạt động khoa học công nghệ
Trường Đại học Mở Hà Nội giai đoạn 2020 – 2025

Phòng Quản lý Khoa học và Đối ngoại
nckh-htqt@hou.edu.vn

Dẫn nhập

Trong Báo cáo Chính trị Đại hội Đảng bộ trường Đại học Mở Hà Nội lần thứ 7, nhiệm kỳ 2020-2025, mà toàn thể đại hội chúng ta nghe, trong mục 1.2.2 *Công tác nghiên cứu khoa học*, có đoạn viết:

“Hoạt động khoa học được xác định là nền tảng quan trọng trong sự phát triển của nhà trường ... Nghiên cứu khoa học không chỉ nhằm giải quyết những vấn đề cấp thiết của các chuyên ngành khoa học và xã hội mà còn góp phần từng bước nâng cao chất lượng đào tạo, vị thế của Trường ở trong và ngoài nước.”

Dựa trên những nhận định trên đây, phòng Quản lý Khoa học và Đối ngoại xin đóng góp với Hội nghị một tham luận với nhan đề: *Đổi mới hoạt động khoa học công nghệ của trường Đại học Mở Hà Nội trong giai đoạn 2020-2025*.

Nội dung báo cáo được nhấn mạnh vào những kết quả hoạt động khoa học công nghệ dựa trên một số nhóm tiêu chí và tiêu chí được quy định tại Thông tư số 18/ 2019/ TT-BKHCN ký ngày 10 tháng 12 năm 2019, đó là: nguồn nhân lực, phát triển quan hệ hợp tác với các tổ chức trong nước và nước ngoài, và kết quả công bố ấn phẩm trong năm 2019 vừa qua; từ đó, chúng tôi đề xuất một số giải pháp nhằm đổi mới hoạt động khoa học công nghệ của trường Đại học Mở Hà Nội (ĐHMHN) giai đoạn 2020-2025.

I. Kết quả và thực trạng trong một số lĩnh vực hoạt động khoa học công nghệ của trường Đại học Mở Hà Nội

1. Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực nghiên cứu khoa học

Nguồn nhân lực là nhân tố quan trọng trong mọi hoạt động, đặc biệt trong hoạt động khoa học công nghệ thì nguồn nhân lực và nguồn nhân lực chất lượng cao đóng vai trò then chốt. Theo số liệu thống kê của trường ĐHMHN tính đến ngày 31/ 5/ 2020, thì ta có bảng sau:

Bảng 1. *Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực của trường Đại học Mở Hà Nội*

TT	Nhân lực	< 35 tuổi	36 – 45 tuổi	46 – 55 tuổi	>55 tuổi	Tổng số	
						Số	%
1	Tiến sỹ và tiến sỹ KH (có tính cả PGS)	4	40	24	76	144	24.49
2	Thạc sỹ	139	166	44	15	364	61.90

3	Cử nhân và kỹ sư	47	11	17	5	80	13.61
	Tổng số	190	217	85	96	588	100.00

(Nguồn P.TCHC, cung cấp ngày 4/6/2020)

(Số liệu trên bao gồm [cơ hữu; khoán cấp trường và giảng viên thường xuyên] & [giảng viên, chuyên viên và tương đương])

Nhìn vào bảng 1, chúng ta thấy, kết quả đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực của ĐHMHN đã đạt được những bước tiến nhất định tính, đặc biệt là đào tạo trình độ tiến sĩ có 144, chiếm 24,49%, nhưng độ tuổi >55 lại chiếm hơn 50%. Về cơ bản, giảng viên của trường có trình độ thạc sĩ, chiếm 61,90%, giảng viên có trình độ cử nhân hoặc kỹ sư còn chiếm 13,61% trong trường đại học.

Về kinh nghiệm quốc tế của đội ngũ cán bộ của trường thì, chủ yếu các giảng viên của trường hoàn thành khoá học ở trong nước, và có 21 TS và 35 ThS đã hoàn thành khoá học tiến sĩ hoặc thạc sĩ tại trong nước nhưng do các trường đại học nước ngoài cấp bằng. Trường chưa giảng viên nào đã từng làm việc tại các tổ chức nghiên cứu hoặc các trường đại học ở nước ngoài (trên 3 tháng) và chưa có giảng viên nào đã từng tham gia hợp tác thường xuyên (thông qua việc tham gia các đề tài, dự án KH&CN) với các tổ chức nghiên cứu hoặc các trường đại học ở nước ngoài (Nguồn P.TCHC, cung cấp ngày 4/6/2020).

Từ đó, chúng ta thấy, nguồn nhân lực nghiên cứu khoa học của trường ta vẫn còn khá khiêm tốn; do đó, công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực nghiên cứu khoa học cần được quan tâm, chú trọng phát triển hơn nữa.

2. Quan hệ hợp tác với các tổ chức trong nước và nước ngoài

Được sự quan tâm chỉ đạo Đảng ủy trong việc giữ vững và phát triển các mối quan hệ chặt chẽ, đúng qui định với các cơ quan quản lý nhà nước, Bộ chủ quản, các trường đại học, các doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động và các đối tác hợp tác, liên kết với trường trên tất cả các lĩnh vực hoạt động.

Trong quan hệ quốc tế, thực hiện định hướng chỉ đạo của Đảng ủy trong việc giữ vững các mối quan hệ truyền thống với Hiệp hội các trường Đại học Mở từ xa Châu Á (AAOU), trung tâm giáo dục mở và từ xa khu vực trực thuộc Hội đồng Bộ trưởng Giáo dục các nước Đông Nam Á (SEAMEO SEAMOLEC, Tổ chức Đào tạo Từ xa Quốc tế (ICDE) để tăng cường vai trò vị thế của nhà trường đồng thời học hỏi thêm kinh nghiệm quốc tế trong giáo dục mở và đào tạo từ xa. Bên cạnh đó, trường tiếp tục duy trì và phát triển các mối quan hệ hợp tác, liên kết đào tạo và nghiên cứu khoa học với các trường hoặc tổ chức đào tạo quốc tế (Hàn Quốc, Trung Quốc, Đài Loan, Nhật Bản, Israel, Canada, Úc, New Zealand, Nga,...).

Trong ba năm trở lại đây, nhà trường đăng cai tổ chức các sự kiện khoa học quốc tế thành công, đó là: Hội nghị thường niên của các trường ĐH Mở Châu Á AAOU 2018 với chủ đề “*Giáo dục mở trong phát triển nguồn nhân lực thời kỳ hội nhập*”; Hội nghị Á - Âu về “*Học tập suốt đời và mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030*”; Diễn đàn SEAMEO CELLL về “*Xây dựng thành phố học tập*”; tổ chức các phiên họp Nhóm nghiên cứu OU5 của 5 trường Đại học Mở trong khu vực

Mới đây, vào tháng 5/ 2020, nhà trường đã phối hợp với Hiệp hội các trường Đại học, Cao đẳng Việt Nam để tổ chức Lễ ra mắt Câu lạc bộ Giáo dục Mở thuộc Hiệp hội và giữ vai

trò Chủ nhiệm Câu lạc bộ nhằm góp phần triển khai hiệu quả giáo dục mở và đào tạo từ xa ở Việt Nam; tạo dựng nền tảng, công cụ để xây dựng xã hội học tập và học tập suốt đời. Cụ thể các số liệu về hoạt động quan hệ hợp tác đào tạo trong nước và quốc tế như sau:

Bảng 2. Thống kê số lượng quan hệ hợp tác đào tạo trong nước và quốc tế

TT	Kết quả	2017		2018		2019	
		Trong nước	Quốc tế	Trong nước	Quốc tế	Trong nước	Quốc tế
1	Số lượng quan hệ hợp tác đào tạo (từ 2017 đến nay vẫn còn hiệu lực)	3	13	3	10	3	6

(Nguồn: Phòng QLKH&ĐN cung cấp ngày 31/5/2020)

Như vậy có thể thấy, trong thời gian tới, với tốc độ phát triển chung của thế giới hội nhập, công tác hợp tác quốc tế trong và ngoài nước cũng cần được đẩy mạnh các hoạt động hợp tác hơn nữa.

3. Công bố ấn phẩm

Cán bộ, giảng viên của nhà trường đã tham gia viết bài đăng trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước; là chủ biên hoặc tham gia biên soạn giáo trình, bài giảng, học liệu xuất bản, học liệu điện tử cho nhà trường. Số lượng đề tài các cấp từ năm 2017 đến nay tăng đều qua các năm, đặc biệt là các đề tài cấp Nhà nước, các nghiên cứu khoa học cấp Bộ tập trung vào các lĩnh vực Công nghệ sinh học, Quản lý giáo dục và Công nghệ điện tử thông tin. số lượng cụ thể được thống kê trong bảng 3 dưới đây.

Bảng 3. Bảng thống kê kết quả công bố ấn phẩm nghiên cứu khoa học

TT	Kết quả	2017		2018		2019	
		Trong nước	Quốc tế	Trong nước	Quốc tế	Trong nước	Quốc tế
1	Bài báo công bố trên tạp chí chuyên ngành	94	11	136	17	132	20
2	Sách xuất bản	6	0	15	1	28	0

(Nguồn: P. QLKH&ĐN, tính đến 31/5/2020)

Theo bảng 3, chúng ta thấy, số lượng các bài báo công bố trên tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế tăng đều hàng năm, số lượng bài đăng trên các tạp chí khoa học trong danh mục ISI, SCOPUS đã tăng lên, đặc biệt trong năm 2019. Số lượng sách xuất bản tăng gần gấp đôi trong ba năm trở lại đây.

II. Kiến nghị nhằm nâng cao chất lượng hoạt động khoa học công nghệ của trường ĐHMHN

Để nâng cao hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học của Trường Đại học Mở Hà Nội và phấn đấu đạt các chỉ tiêu mà Báo cáo Chính trị vừa nêu, Phòng QLKH&ĐN đề xuất một số giải pháp như sau:

Một là, nâng cao chất lượng thực hiện cơ chế xây dựng và tổ chức các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học.

Xây dựng cơ chế quản lý nhiệm vụ nghiên cứu khoa học xuất phát từ nhiệm vụ giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học của các nhà trường, bám sát các định hướng nghiên cứu khoa học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của từng ngành, xác định các mục tiêu trọng điểm, ngắn hạn và dài hạn.

Xác định rõ các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học ưu tiên ở các cấp, tập trung chủ yếu vào các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học mang tính ứng dụng, xuất phát từ yêu cầu của nhiệm vụ chính trị của nhà trường là đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Đổi mới công tác đánh giá kết quả nghiên cứu dựa trên những tiêu chuẩn rõ ràng, cụ thể, phù hợp với từng vấn đề nghiên cứu; hoàn thiện các quy định về thành lập và hoạt động của các hội đồng tư vấn xác định, tuyển chọn và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, bảo đảm tính độc lập và khách quan của hội đồng. Xây dựng cơ sở dữ liệu về chuyên gia đánh giá, tiêu chuẩn thành viên và cơ cấu hội đồng phù hợp với từng nhiệm vụ nghiên cứu.

Hai là, nâng cao hiệu quả nguồn nhân lực khoa học

Nắm chắc số lượng, chất lượng nguồn nhân lực khoa học và yêu cầu về nhân lực khoa học của các đơn vị, thực hiện tốt công tác quy hoạch, tuyển chọn nguồn nhân lực khoa học đáp ứng sự phát triển của tình hình nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học và xây dựng nhà trường, tập trung chủ yếu vào đội ngũ cán bộ, giảng viên của nhà trường; bảo đảm sự kế thừa, liên thông và phát triển liên tục.

Thông qua hoạt động thực tiễn, sinh hoạt khoa học, thực hiện chế độ công tác của các đối tượng để phát hiện, thu hút và quản lý, nắm chắc điểm mạnh, điểm yếu, sở trường của từng cán bộ và cả đội ngũ cán bộ; thông qua chất lượng thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học như số giờ giảng dạy, nghiên cứu khoa học, số đề tài, chuyên đề nghiên cứu, số bài báo khoa học, tham luận hội thảo khoa học để đánh giá năng lực, uy tín hoạt động nghiên cứu khoa học.

Đồng thời, quản lý nguồn nhân lực khoa học qua phân tích hồ sơ và kết hợp quản lý con người với quản lý hồ sơ, quản lý của tổ chức với tự quản lý của cá nhân. Phân định rõ chức trách, nhiệm vụ của lực lượng tham gia nghiên cứu khoa học, lực lượng quản lý khoa học và lực lượng phục vụ cho hoạt động nghiên cứu khoa học.

Quản lý, nắm chắc số lượng, chất lượng học viên, sinh viên của nhà trường, coi đây là lực lượng quan trọng vừa thực hiện nhiệm vụ học tập, vừa rèn luyện kỹ năng và phương pháp nghiên cứu khoa học; thông qua hoạt động thực tiễn lựa chọn những học viên, sinh viên tiêu biểu, có nhận thức tốt, có khả năng nghiên cứu khoa học để bồi dưỡng, tạo nguồn tham gia vào các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học của nhà trường.

Đầu tư xây dựng các nhóm nghiên cứu mạnh, tập trung trí tuệ và tài chính vào các lĩnh vực nghiên cứu là thế mạnh của nhà trường.

Ba là, nâng cao hiệu quả trang thiết bị phục vụ cho hoạt động nghiên cứu khoa học.

Quản lý, xây dựng và củng cố cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động nghiên cứu khoa học. Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành nhiệm vụ đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật của các nhà trường, kết hợp giữa nguồn đầu tư của cấp trên với nguồn tại chỗ để nâng cấp, phát triển theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị gắn với chức năng, nhiệm vụ giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học của

mỗi trường, nâng cao hiệu quả đầu tư và hiệu suất khai thác, sử dụng nhằm đạt hiệu quả cao nhất, tránh lãng phí.

Kết hợp chặt chẽ khai thác cơ sở vật chất, trang bị kỹ thuật phục vụ nhiệm vụ giáo dục, đào tạo với phục vụ nghiên cứu khoa học.

Bốn là, nâng cao hiệu quả quản lý các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học ở trường đại học.

Cấp ủy, tổ chức đảng các cấp của Nhà trường phải thường xuyên quán triệt, nắm vững chỉ thị, nghị quyết của Đảng, quy chế, quy định, hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ về nhiệm vụ nghiên cứu khoa học của các trường đại học. Thường xuyên nhận thức đầy đủ, đúng đắn và thống nhất về vị trí, vai trò của cấp ủy và người chỉ huy các cấp trong thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học; nắm vững chủ trương, nội dung, biện pháp lãnh đạo nhiệm vụ nghiên cứu khoa học của cấp ủy, cụ thể hóa thành nội dung, biện pháp lãnh đạo ở cấp mình, chú trọng khâu cụ thể hóa và triển khai thực hiện nghị quyết. Quản lý chặt chẽ tình hình nhiệm vụ nghiên cứu khoa học của cơ quan, khoa, đơn vị, khả năng tham gia và phẩm chất, năng lực nghiên cứu khoa học của từng cấp ủy viên, đội ngũ cán bộ, giảng viên, học viên, sinh viên, chỉ đạo xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch nghiên cứu khoa học. Coi trọng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ chủ trì về phẩm chất, năng lực quản lý nghiên cứu khoa học. Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, rút kinh nghiệm về công tác lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động nghiên cứu khoa học ở cơ quan, khoa, đơn vị được giao phụ trách.

Phát huy vai trò của cơ quan chức năng trong quản lý các chương trình, nhiệm vụ nghiên cứu, thực hiện đúng quy trình quản lý đối với từng nhiệm vụ nghiên cứu khoa học từ khâu đề xuất, tuyển chọn, giao nhiệm vụ, tổ chức thực hiện, nghiệm thu đến chuyển giao, ứng dụng kết quả nghiên cứu; nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin, phương tiện kỹ thuật hiện đại trong quản lý các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, tra cứu, tham khảo. Tăng cường đầu tư trang thiết bị, vật chất kỹ thuật đảm bảo cho công tác quản lý khoa học của cơ quan chức năng. Thường xuyên cập nhật tình hình các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, kịp thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc trong quản lý nghiên cứu khoa học để đề xuất với ban giám hiệu các biện pháp khắc phục, đảm bảo cho các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học thực hiện đúng tiến độ, đạt chất lượng cao.

Quản lý chặt chẽ và thực hiện đúng quy định về sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ đối với các sản phẩm nghiên cứu khoa học. Làm tốt công tác quản lý và khai thác, sử dụng các sản phẩm vào nhiệm vụ giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học của nhà trường. Phát triển cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin để nâng cao chất lượng công tác lưu trữ, quản lý và khai thác có hiệu quả.

III. Kết luận

Qua việc tổng lược một số kết quả đạt được trong hoạt động khoa học công nghệ của trường Đại học Mở Hà Nội trong thời gian ba năm qua, chúng ta nhận thấy, bên cạnh những kết quả đã đạt được rất đáng khâm phục và khích lệ, thì chúng ta thấy rõ được thực trạng trong vấn đề đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực để đủ năng lực nghiên cứu khoa học; thực trạng về năng lực nghiên cứu khoa học công nghệ thông qua các ấn phẩm được công bố. Từ những thực trạng này chúng tôi cũng đưa ra một số kiến nghị để hướng tới xây dựng một mô hình

Đại học nghiên cứu. Vì đây là một trong những công việc có thể thực hiện được ngay và nó cũng là điều kiện, môi trường để thúc đẩy các tiêu chí quan trọng hơn đạt được các trọng số cao trong bảng đánh giá đại học nghiên cứu.